

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/DS-PT

Ngày: 30-8- 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLPT-DS ngày 18/5/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS – ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2021/QĐXX-PT ngày 29/7/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao Kh, sinh năm 1954; nơi cư trú: Xóm 15 xã G1, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Nh là bị đơn trong vụ án

Tại phiên tòa có mặt ông Kh, ông Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Cao Kh trình bày:

Do mối quan hệ quen biết và họ hàng với ông Nguyễn Văn Nh, ông có cho ông Nguyễn Văn Nh vay tiền nhiều lần, việc vay nợ của ông do ông tự giải quyết không liên quan đến quyền lợi của vợ ông. Cụ thể: Ngày 16- 9- 2010 ông Nh vay số tiền 200.000.000 đồng và 02 cây vàng 9999, khi vay có giấy biên nhận, tiền lãi vay như sau: Lãi của số tiền 200.000.000 đồng là 5.000.000 đồng/ tháng; lãi vay 02 cây vàng 9999 là 400.000 đồng/tháng. Ngày 12-5-2011, ông Nh vay số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 13- 5- 2011, ông Nh vay số tiền 352.882.000 đồng; hai lần vay này được ông Nh viết và chót vào 01 “Giấy nhận nợ” trên cùng một mặt của tờ giấy. Ngày 31/5/2011, ông Nh vay số tiền 90.000.000 đồng, không tính lãi, do anh Trần Văn Kiên nhận giúp. Tổng cộng 4 lần ông Nguyễn Văn Nh có vay của ông số tiền là 1.642.882.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999.

Năm 2010 ông và vợ chồng ông Nh đã thoả thuận chuyển nhượng thửa đất 210 m² tại thị trấn Q với giá là 470 triệu đồng để gán nợ cho ông nhưng không viết giấy tờ gì, chưa làm thủ tục chuyển tên vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nh đang thế chấp ở Ngân hàng. Như vậy việc chuyển nhượng này là trước thời điểm chót số nợ năm 2011, không liên quan đến các khoản nợ ông đang khởi kiện. Năm 2015 ông đã bán thửa đất 210 m² cho ông Q1 với giá 700.000.000 đồng.

Năm 2012, ông Nh có giao cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0313926 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14- 5- 2009 đối với thửa đất 3.500m², tại thửa 4 lô số 39 bản đồ quy hoạch khu du lịch thị trấn Q, đứng tên chủ sử dụng là ông Phạm Vô S. Ông Nh soạn văn bản là ông Nh sẽ chuyển nhượng lại thửa đất cho ông với giá tiền 930 triệu đồng để trừ vào khoản nợ của ông Nh đang nợ ông nhưng làm thủ sang tên cho con trai ông là Nguyễn Văn C, ông Nh đã đưa cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên ông Nh không có quyền sử dụng thửa đất và đất phải có dự án mới thì mới chuyển nhượng được nên không thực hiện được.

Năm 2019, ông Nh trả cho ông 200 triệu đồng tiền lãi suốt 10 năm ông Nh chưa trả. Như vậy, ông Nh chưa trả khoản nào trong tổng số nợ 1.642.882.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999

Nay ông chấp nhận số tiền 200.000.000 đồng mà ông Nh đã trả trước đây ông tính vào tiền lãi, nay ông trừ vào nợ gốc; ngoài ra ông tự nguyện trừ cho ông Nh 200.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, ông chỉ yêu cầu ông Nh trả số tiền nợ gốc là 1.242.882.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999. Ông nhận trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 3.500m² tại thửa 4 lô số 39 bản đồ quy hoạch khu du lịch thị trấn Q cho ông Nh.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Nguyễn Văn Nh trình bày:

Ông thừa nhận có vay tiền, vàng của ông Kh nhiều lần từ đầu năm 2000, việc vay nợ là do ông không liên quan gì đến vợ, mục đích vay là ông kinh doanh riêng.

Ông đã phải trả lãi nhiều lần với lãi cao nhưng ông không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi. Ông thừa nhận về việc vay nợ như ông Kh yêu cầu, chỉ lẩn tránh về khoản vay ngày 13- 5- 2011 với số nhận nợ 352.882.000 đồng nhưng sau khi có Kết luận giám định về chữ “mượn thêm” là do ông viết trong Giấy nhận nợ, ông không có ý kiến gì. Như vậy, ông thừa nhận về việc vay ông Kh số tiền 1.642.882.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999. Tất cả các khoản vay đều tính lãi, khoản vay 01 tỷ, thì lãi suất thỏa thuận 2% tháng, đến năm 2011 ông không trả lãi nữa vì tình trạng lúc đó ông vỡ nợ.

Vào ngày 25- 12- 2012, giữa ông và ông Kh đã thỏa thuận ông trả nợ cho ông Kh 930 triệu đồng bằng thửa đất 3500m² tại Khu du lịch Q. Ông và ông Kh biết rõ là thửa đất này không đứng tên của ông nhưng ông Kh vẫn đồng ý. Nguồn gốc thửa đất là của ông Phạm Vô S, ông Phạm Vô S chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Đ chuyển nhượng lại cho ông, có xác nhận của chính quyền xã Giao Yên. Ông là người đánh máy “Giấy biên nhận”, ông Kh nhận đủ giấy tờ đất và ký vào giấy biên nhận.

Ngoài ra, khoảng năm 2011 tình trạng ông không có khả năng trả nợ nên cũng đã gán thửa đất 210 m² tại Tổ dân phố Lâm Quý mang tên ông và vợ là Ng, với giá 480.000.000 đồng để chuyển trả nợ cho ông Kh. Sau đó ông và ông Kh đã thống nhất bán lại cho ông Hà Minh Q1, ông Kh đã nhận đủ số tiền từ ông Q1 khi bán vào năm 2015, vợ chồng ông là người ký hợp đồng do khi đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn mang tên vợ chồng ông.

Nay, ông Kh yêu cầu ông phải trả nợ tổng cộng số tiền là 1.242.882.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999, ông không nhất trí. Ông xác định đã trả hết nợ ông Kh.

* Người làm chứng ông Phạm Vô S trình bày: Thửa đất 3500m², thửa 4 lô số 39 bản đồ quy hoạch khi du lịch thị trấn Q là của ông được cấp vào năm 2009. Sau đó ông đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Đ, hai bên chỉ viết giấy tay, chưa làm thủ tục chuyển nhượng. Ông không còn quyền lợi gì đối với thửa đất nên từ chối tham gia tố tụng.

* Người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Thửa đất 3500m², thửa 4 lô số 39 bản đồ quy hoạch khu du lịch thị trấn Q ông nhận chuyển nhượng của ông S. Sau đó ông đã chuyển nhượng cho ông Nh nhưng đều viết tay, không làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền

* Người làm chứng ông Hà Minh Q1 trình bày: Tháng 8 năm 2015, ông có nhận chuyển nhượng thửa đất số 345, tờ bản đồ số 8, thị trấn Q, địa chỉ: Tổ dân phố Lâm Quý, thị trấn Q, diện tích 210m². Đất mang tên ông Nh và vợ là Nga, tuy Nh mọi thỏa thuận và thanh toán là ông làm việc với ông Kh, vì ông Nh đã chuyển nhượng cho ông Kh trước đó. Ông không liên quan đến việc vay nợ giữa ông Nh và ông Kh. Mọi thỏa thuận là giữa ông và ông Kh, trong đó ông đã chuyển trả số tiền 500.000.000 đồng vào Ngân hàng nông nghiệp để lấy Giấy chứng nhận đang được

thể chấp, số tiền còn lại thanh toán trực tiếp cho ông Kh. Nay ông đề nghị được vắng mặt và từ chối tham gia tố tụng.

* Kết quả xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá đối với thửa đất số 4 lô số 39 bản đồ quy hoạch khi du lịch thị trấn Q: Hiện trạng là đất ao hồ, chưa có công trình xây dựng; đất thuê trả tiền thuê hàng năm để làm dự án từ năm 2009 mang tên chủ sử dụng Phạm Vô S; Giá trị quyền sử dụng đất: 500.000.000 đồng.

* Kết luận giám định số 266/KLGD- PC09 ngày 26- -2- 2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Nam Định về chữ viết “mượn thêm”, xác định: Chữ “mượn thêm” trong tài liệu ký hiệu A (“Giấy nhận nợ” ngày 12- 5- 2011 và 13- 05- 2011 đứng tên Nguyễn Văn Nh) với các chữ viết trong cùng tài liệu này; với các chữ viết trong tài liệu M1, M2 (Bản tự khai đứng tên ông Nguyễn Văn Nh) đều do một người viết ra.

* Xác định giá vàng 9999 tại thời điểm xét xử là 5.040.000 đồng/chỉ.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS – ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G quyết định.

1. Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự 2015; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cao Kh đối với ông Nguyễn Văn Nh về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; buộc ông Nguyễn Văn Nh có trách nhiệm trả ông Nguyễn Cao Kh số nợ 1.242.882.000đ (một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng) và 20 (hai mươi) chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong; bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông Nguyễn Cao Kh có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn Nh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0313926 do UBND huyện G cấp ngày 14- 5- 2009 cho chủ sử dụng Phạm Vô S, thửa đất 3500m², thửa 4 lô số 39, bản đồ quy hoạch khu du lịch thị trấn Q, huyện G.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: buộc ông Nguyễn Văn Nh phải nộp 52.310.000đ (năm mươi hai triệu ba trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

* Ngày 10/4/2021 ông Nguyễn Văn Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên toà các đương sự vẫn giữ nguyên lời khai, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

- Ông Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra ông Kh cũng xác nhận tại cấp sơ thẩm ông có yêu cầu huỷ giao dịch chuyển nhượng thửa đất 3.500m² giữa ông với ông Nh, nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu này.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2021/DS – ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Nh làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản: Từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 5 năm 2011 ông Nguyễn Cao Kh cho ông Nguyễn Văn Nh vay tiền 04 lần, thể hiện trong sổ ghi nợ của ông Kh, cụ thể: Ngày 16- 9- 2010 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 05 triệu đồng/tháng và 20 chỉ vàng 9999 lãi suất 400.000đ/tháng; ngày 12- 5- 2011, vay số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 13- 5- 2011 vay số tiền 352.882.000 đồng; ngày 31- 5- 2011, vay số tiền 90.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.642.882.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999; Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả. Ông Nh thừa nhận đã vay tiền của ông Kh 04 lần với số tiền 1.642.882.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét việc vay tiền giữa ông Kh và ông Nh là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, chỉ có khoản vay tiền, vàng ngày 16/9/2010 là có thỏa thuận lãi, còn các lần khác không thỏa thuận lãi; các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thực hiện đối với các bên. Hai ông đều xác định việc vay và cho vay tiền không liên quan đến vợ, con của 2 ông.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng.

Hai bên thống nhất xác định ngày 06/9/2019 ông Nh trả ông Kh 200 triệu đồng, ông Kh trừ vào tiền gốc. Ngoài ra, ông Kh còn tự nguyện trừ cho ông Nh số tiền 200.000.000 đồng, vì vậy số tiền nợ gốc chỉ còn 1.242.882.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999. Ông Kh chỉ yêu cầu ông Nh trả tiền gốc là 1.242.882.000 đồng và 20 chỉ vàng 9999, không yêu cầu trả lãi.

Tuy nhiên ông Nh cho rằng ngoài số tiền mặt ông đã trả thì ông còn trả nợ ông Kh bằng việc chuyển nhượng 02 thửa đất cho ông Kh nên ông không còn nợ ông Kh nữa. Cụ thể: Khoảng năm 2011 tình trạng ông không có khả năng trả nợ nên đã gán nợ thửa đất 210 m² tại thửa số 345, tờ bản đồ số 8, Tổ dân phố Lâm Quý, thị trấn Q mang tên ông và vợ là Nga với giá 470.000.000 đồng cho ông Kh để trả vào các khoản nợ gốc ông đã vay ông Kh. Vào ngày 25- 12- 2012, ông đã gán nợ thửa đất 3500m² tại Khu du lịch Q với giá 930.000.000 đồng cho ông Kh để trả vào các khoản nợ gốc ông đã vay ông Kh. Vì vậy đến nay ông không còn nợ ông Kh.

Ông Kh thừa nhận khoảng năm 2010 ông Nh có gán nợ cho ông bằng thửa đất số 345, tờ bản đồ số 8, thị trấn Q, của vợ chồng ông Nh với giá 470 triệu đồng nhưng số tiền này trừ vào khoản nợ đã được chốt trước ngày 12/5/2011, không liên quan đến các khoản nợ mà ông đang kiện đòi ông Nh (BL125). Ông Kh cũng thừa nhận năm 2012, ông Nh có gán nợ cho ông thửa đất 3.500 m² ở thửa số 4, lô 39 khu du lịch thị trấn Q với giá 930 triệu đồng để trừ vào các khoản nợ ông Nh nợ ông. Nhưng vì ông Nh không làm thủ tục sang tên được cho con ông (anh Nguyễn Văn C) nên nay ông không đồng ý trừ vào khoản nợ nữa, mà buộc anh Nh phải trả tiền cho ông.

[2.3] Xét việc chuyển nhượng hai thửa đất của ông Nh cho ông Kh để gán nợ:

- Về thửa đất 210 m² tại thửa số 345, tờ bản đồ số 8, Tổ dân phố Lâm Quý, thị trấn Q mang tên vợ chồng ông Nh: Ông Kh thừa nhận có việc gán nợ thửa đất này để trừ nợ với giá 470 triệu đồng; Thửa đất của vợ chồng ông Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/11/2010, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nh thế chấp vay ngân hàng, thời điểm gán nợ thửa đất hai bên đều xác định là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất đang thế chấp tại ngân hàng. Như vậy có thể khẳng định thời điểm gán nợ thửa đất này nằm trong khoảng thời gian ông Nh đang nợ tiền ông Kh tại 04 giấy biên nhận nợ từ 16/9/2010 đến 31/5/2011; đến năm 2015 ông Kh chuyển nhượng thửa đất này cho ông Q1 thì mới rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Ông Kh cho rằng số tiền gán nợ thửa đất này trừ vào khoản nợ trước đó, không liên quan đến các khoản nợ tại 04 giấy biên nhận nhưng không có căn cứ chứng minh. Tuy nhiên bản án sơ thẩm lại chấp nhận lời khai của ông Kh, không chấp nhận lời khai của ông Nh về việc gán nợ thửa đất 210m² để trừ nợ là chưa đủ căn cứ vững chắc.

- Về thửa đất 3.500m² ở thửa số 4, lô 39 khu du lịch thị trấn Q: Ông Kh thừa nhận có việc chuyển nhượng thửa đất này với giá 930 triệu đồng để trừ nợ vào khoản tiền ông Nh nợ ông Kh, được thể hiện tại giấy biên nhận ngày 25- 12- 2012 có ký

nhận của ông Kh, ông Kh đã nhận đầy đủ giấy tờ đất. Thửa đất 3.500m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Vô S, ông S chuyển nhượng cho ông Đang, ông Đang chuyển nhượng cho ông Nh nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng; Thửa đất 3.500m² là đất nhà nước cho thuê theo hình thức trả tiền thuê hàng năm nên các bên không được phép chuyển nhượng; ông Nh và ông Kh đều biết nguồn gốc thửa đất này nhưng vẫn chuyển nhượng là trái pháp luật. Như vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nh và ông Kh vi phạm về điều kiện về hình thức của hợp đồng, vi phạm điều cấm của pháp luật nên bị vô hiệu toàn bộ, lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu thuộc về cả hai bên.

Do hai bên chuyển nhượng thửa đất 3.500 m² với giá 930 triệu đồng để trừ nợ vào khoản tiền ông Nh nợ ông Kh nên phải tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, từ đó mới có căn cứ xác định khoản tiền ông Nh còn nợ ông Kh. Tại cấp sơ thẩm ông Kh yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này (BL 64) nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là bỏ sót yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, vì vậy cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết xét xử lại theo trình tự sơ thẩm là phù hợp

[3] Từ sự phân tích nhận định nêu trên, xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Văn Nh là có căn cứ chấp nhận, cần huỷ án sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Kháng cáo của ông Nh được chấp nhận nên ông Nh không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 70, Điều 147, Điều 148, Điều 188, Điều 210, Điều 211, Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án sơ thẩm số 06/2021/DS – ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện G để giải quyết xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Ông Nguyễn Văn Nh không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004010 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng